

Số: **03** /2019/NQ-HĐND

Hương Thủy, ngày **04** tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
**Về việc thông qua Đề án Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất
hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn thị xã**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của HĐND thị xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 70 /TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND thị xã về việc đề nghị thông qua Đề án Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn thị xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Đề án Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn thị xã với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu:

Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất cho các Trạm y tế xã, phường, Trung tâm Y tế thị xã là góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, cấp cứu và phục hồi chức năng bảo đảm đáp ứng yêu cầu, phát triển dịch vụ kỹ thuật cao nhằm đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân ngày càng cao và đa dạng; nâng cao chất lượng y tế dự phòng (giám sát, phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch); kiểm soát các yếu tố nguy cơ phổ biến ảnh hưởng sức khỏe nhân dân.

2. Nhu cầu kinh phí:

Tổng dự toán hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất cho Trung tâm Y tế thị xã và các Trạm Y tế các xã, phường là 5.083 triệu đồng, trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ là 4.033 triệu đồng; Ngân sách cấp xã, phường 1.050 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2019: Ngân sách thị xã hỗ trợ là 3.040 triệu đồng (từ nguồn ngân sách kết dư năm 2018); Ngân sách cấp xã, phường: 900 triệu đồng.

Năm 2020: Ngân sách thị xã hỗ trợ là 993 triệu đồng; Ngân sách cấp xã, phường: 150 triệu đồng (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*)

3. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

a) Công tác tuyên truyền, vận động:

- Thực hiện tốt việc tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước về công tác phòng, chống dịch bệnh nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn thể người dân về vệ sinh nâng cao sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động khơi dậy ý thức trách nhiệm của nhân dân tham gia giải quyết tốt vệ sinh liên quan đến sức khỏe như vệ sinh để phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, thực hiện vệ sinh có lợi cho sức khỏe. Thực hiện ăn sạch, uống sạch, ở sạch; thu gom, không vứt rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh, cảnh quang môi trường.

b) Củng cố và tăng cường mạng lưới y tế cơ sở:

- Đảm bảo đủ điều kiện để các chương trình dự phòng hoạt động đồng bộ, có chiều sâu và hiệu quả, thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số - kế hoạch hóa gia đình, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch tại cộng đồng.

- Tăng cường hoạt động của đội ngũ cộng tác viên dân số, y tế thôn để thực hiện tốt Dân số - kế hoạch hóa gia đình và truyền thông về phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường hơn nữa công tác khám chữa bệnh ban đầu khi thực hiện thông tuyến khám chữa bệnh BHYT tại trạm y tế xã, phường.

- Duy trì 100% các trạm y tế xã, phường đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

c) Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; thực hiện có hiệu quả Đề án “Bệnh viện đa khoa thị xã Hương Thủy là bệnh viện vệ tinh của bệnh viện hạt nhân Trung ương Huế”; thực hiện việc củng cố, kiện toàn, đổi mới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đội ngũ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ y bác sỹ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ khám chữa bệnh BHYT cho bệnh nhân BHYT, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi tại các tuyến, tiếp tục thực hiện tốt thông tuyến khám chữa bệnh BHYT.

- Triển khai và thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện theo Quyết định 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế. Tăng cường công tác thu dung người bệnh vào điều trị tại bệnh viện. Củng cố và phát triển khoa Hồi sức cấp cứu nhằm nâng cao tỷ lệ điều trị và chăm sóc bệnh nhân cấp I.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy định mức giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh về Danh mục dịch vụ kỹ thuật khám, chữa bệnh được xếp tương đương.

- Duy trì công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế bệnh viện, thực hiện tốt công tác chăm sóc người bệnh toàn diện trong bệnh viện, chú trọng chăm sóc bệnh nhân cấp I, giáo dục 12 điều y đức, thay đổi phong cách, thái độ của cán bộ y tế hướng đến sự hài lòng của người bệnh.

d) Huy động nguồn lực đầu tư:

- Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả ngân sách tỉnh, trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác để tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn.

- Hỗ trợ một phần ngân sách địa phương để sửa chữa cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế và các Trạm Y tế trên địa bàn thị xã nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh nhân khi đến khám và điều trị.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tiến hành các thủ tục theo quy định để triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Hương Thủy khóa VI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2019.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TTTU, TTHĐND thị xã;
- UBND thị xã; UBNDTTQVN thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thị xã;
- TTHĐND, UBND các phường, xã;
- Lưu VT.

ĐCC

CHỦ TỊCH




Lê Văn Chính

Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU KCB CƠ BẢN ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu kế hoạch KCB	KH năm 2018	Thực hiện năm 2018	Đạt (%)	So sánh cùng kỳ năm 2017(%)
1	Tổng số lần khám	240.000	210.982	87,9	96,2
2	Bình quân lần khám/dân	2,2	2,0	Đạt	Đạt
3	Ts. BN điều trị nội trú	7.300	8.881	121,7	105,5
	+ Trong đó YHCT	304	252	82,9	125,7
4	Ts. BN điều trị ngoại trú	3.500	4.851	138,6	132,0
	+ Trong đó YHCT	800	1.033	129,1	116,5
5	Ts. ngày điều trị nội trú	36.500	43.207	118,4	117,0
6	Ngày điều trị trung bình	5	4,9	Đạt	Đạt
7	Công suất GB kế hoạch (80 gi)	100%	148,0	Đạt	Đạt
8	Công suất GB thực kê (140 gi)	100%	84,6	Đạt	Đạt
9	Chuyển tuyến		7.491	3,6%	Chiếm 3,2 %
10	Tổng số lần xét nghiệm	69.000	71.372	103,4	151,6
11	Tổng số lần chiếu chụp XQ	15.000	19.667	131,1	224,1
12	Tổng số lần siêu âm	12.000	14.239	118,7	145,8
13	Tổng số lần phẫu thuật	1.050	1.717	163,5	131,5
14	Tổng số lần nội soi	1.500	2.522	168,1	162,1
15	Tổng số lần điện tim	3.000	4.941	164,7	253,3

Phụ lục 2: TỶ LỆ BỆNH NHÂN CHĂM SÓC CẤP I NĂM 2018:



Khoa	Tổng số BN DT nội trú	Tổng số BN CS cấp I	Chiếm tỷ lệ (%)	Ghi chú
Khoa Hồi sức cấp cứu.	1.833	245	13,4	
Khoa. Nội - Nhi	2.737	71	2,6	
Khoa. Ngoại	2.203	421	19,1	
K. CSSKSS	1.168	638	54,6	
K. YHCT-PHCN	252	0	0,0	
K. Truyền nhiễm	688	0	0,0	
Tổng cộng	8.881	1.375	15,5	≥ 10%

Phụ lục 3: THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Đạt %	So sánh cùng kỳ năm 2017 (%)
1	Số lần khám thai	8.500	8.810	103,6	107,4
2	Tiền chủng phụ nữ có thai	100 %	100	Đạt	100
3	Tỷ lệ bà mẹ được CBYT đỡ đẻ	100 %	100	Đạt	100
4	Số lần khám phụ khoa	9.000	9.018	100,2	132,9
5	Tai biến sản khoa	< 0,8%	0	Đạt	Đạt

Handwritten signature

Phụ lục 4: THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRẠM Y TẾ CÁC XÃ, PHƯỜNG

ST T	Tên đơn vị	Diện tích đất (m ²)	Khối nhà			Tình trạng xuống cấp
			Diện tích xây dựng (m ²)	Cấp công trình	Năm xây dựng	
1	Trạm Y tế xã Phú Sơn	3.675	172	4	1995 2007	Sân vườn và hàng rào phía trước chưa đảm bảo, nhà hộ sinh (XD 1995) mái ngói bị hỏng, thấm dột, sửa nhà vệ sinh hư hỏng, hệ thống nước chưa đảm bảo, ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có.
2	Trạm Y tế xã Dương Hòa	1.510	315	3	2004	Tường nhà; cửa đi, cửa sổ, công, tường rào, nhà vệ sinh bị xuống cấp; hệ thống sân vườn, đường đi nội bộ, mái che chưa đảm bảo, nhà bếp tập thể hư hỏng; ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có.
3	Trạm Y tế xã Thủy Bằng	1.195	310	3	2008	Tường nhà làm việc, tường rào, nhà vệ sinh bị xuống cấp; hệ thống sân vườn còn chật hẹp, phía trước có nguy cơ sạt lở; ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
4	Trạm Y tế xã Thủy Vân	1.573	310	3	2008	Tường trần nhà làm việc, tường rào, nhà vệ sinh bị xuống cấp, hư hỏng; ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
5	Trạm Y tế xã Thủy Thanh	1.715	300	3	2000	La phòng hư hỏng, nhà thấm dột, một số cửa, điện nước, nhà vệ sinh hư hỏng, tường nhà xuống cấp, chưa có mái che, sân phía sau không đảm bảo an toàn; ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
6	Trạm Y tế xã Thủy Tân	1.864	310	3	2011	Nhà vệ sinh hư hỏng, tường nhà, tường rào xuống cấp, chưa có mái che, sân vườn, cây xanh, hệ thống thoát nước không đảm bảo; ghé ngói chờ nước uống của bệnh nhân chưa có



Handwritten signature or mark in blue ink.

7	Trạm Y tế xã Thủy Phú	1.475,5	310	3	2011	Các phòng chức năng, tường rào xung cấp, san vườn cảnh quan chưa đảm bảo, mái che diện tích quá nhỏ; ghế ngồi chờ nước uống của bệnh nhân chưa có ...
8	Trạm Y tế P.Thủy Dương	1.036,6	330	3	2002	Hệ thống nhà vệ sinh hư hỏng, khối nhà (cũ) tường rào xung cấp, phòng cấp cứu, hệ thống thoát nước chưa đảm bảo.
9	Trạm Y tế P. Thủy Phương	1.717	310	3	2011	Hệ thống nhà vệ sinh xung cấp, phòng cấp cứu, hệ thống sân vườn chưa đảm bảo; ghế ngồi chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
10	Trạm Y tế P.Thủy Châu	1.503	330	3	2002	Tường nhà, nhà vệ sinh xung cấp, hệ thống sân vườn không đảm bảo, thiếu mái che phục vụ bệnh nhân; ghế ngồi chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
11	Trạm Y tế P.Phú Bài	698	310	3	1999	Hệ thống nhà vệ sinh xung cấp hư hỏng; nhà làm việc, công, tường rào xung cấp, tường rào phía sau chưa được xây dựng; ghế ngồi chờ nước uống của bệnh nhân chưa có
12	Trạm Y tế P. Thủy Lương	1.875	350	3	2009	Các phòng chức năng, tường rào xung cấp, san vườn cảnh quan chưa đảm bảo, mái che diện tích quá nhỏ, công, băng hiệu không đảm bảo; ghế ngồi chờ nước uống của bệnh nhân chưa có

Handwritten signature



**Phụ lục 5: NHU CẦU SỬA CHỮA, CẢI TẠO CƠ SỞ VẬT CHẤT TRUNG TÂM Y TẾ
VÀ CÁC TRẠM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ**

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí	Năm 2019		Năm 2020		Nội dung
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách xã, phường	Ngân sách Thị xã	Ngân sách xã, phường	
1	Trung tâm Y tế	993.000	800.000		193.000		Cải tạo, sửa chữa nâng cấp Trung tâm Y tế: (Nhà cầu nối các khu chức năng; sửa chữa khu vệ sinh; lát gạch sân trước thay đất để trồng cây)
2	Xã Phú Sơn	300.000	300.000				Công trình: Trạm y tế xã Phú Sơn; Hàng mục: San nền, xây hàng rào, thay mái ngói, sửa nhà vệ sinh, làm giá đỡ + bồn nước
3	Xã Dương Hòa	250.000	250.000				Công trình: Trạm y tế xã Dương Hòa; Hàng mục: Quét vôi nhà làm việc, sơn sửa cửa, xây mới nhà bếp, sửa chữa công, đổ bê tông lót vào, mở rộng mái che, quét vôi hàng rào
4	Xã Thủy Bằng	250.000	250.000				Công trình: Trạm y tế xã Thủy Bằng; Hàng mục: Quét vôi nhà làm việc, sử chữa nhà vệ sinh, mở rộng khuôn viên bên trái, kê chống sắt lờ phía trước....
5	Xã Thủy Vân	250.000	250.000				Công trình: Cải tạo Trạm y tế xã Thủy Vân; Hàng mục: Sơn nhà làm việc, sơn sửa cửa, chống thấm mái, ốp gạch tường



6	Xã Thủy Thanh	250.000	250.000				Công trình: Trạm y tế xã Thủy Thanh; Hạng mục: Đóng la phòng, chống thấm mái, thay mới cửa, sửa cửa, sửa chữa điện nước, quét vôi nhà, làm mới mái che, đổ bê tông sân phía sau
7	Xã Thủy Tân	300.000			300.000		Công trình: Trạm y tế xã Thủy Tân; Hạng mục: Sơn các phòng chức năng, quét vôi hàng rào, làm hệ thống thoát nước, cải tạo sân vườn, làm mới mái che,...
8	Xã Thủy Phú	350.000	250.000	100.000			Công trình: Cải tạo Trạm y tế xã Thủy Phú; Hạng mục: Sơn các phòng chức năng, quét vôi hàng rào, đổ bê tông sân, lát gạch terrazo, xây mới bồn hoa, mở rộng mái che, ...
9	Phường Thủy Dương	550.000		550.000			Công trình: Cải tạo Trạm y tế phường Thủy Dương; Hạng mục: Sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh, sơn khối nhà cũ, quét vôi tường rào; ốp gạch men phòng cấp cứu, hệ thống thoát nước,...
10	Phường Thủy Phương	250.000			150.000	100.000	Công trình: Cải tạo Trạm y tế phường Thủy Phương; Hạng mục: Sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh; cải tạo, nâng cấp sân vườn,...
11	Phường Thủy Châu	360.000	260.000	100.000			Công trình: Cải tạo Trạm y tế phường Thủy Châu; Hạng mục: Quét vôi hàng rào, cải tạo sân vườn, sơn các khối nhà, làm mới mái che,...
12	Phường Phú Bài	350.000		150.000	150.000	50.000	Công trình: Cải tạo Trạm y tế phường Phú Bài; Hạng mục: Hệ thống nhà vệ sinh, sơn khối nhà làm việc, quét vôi tường rào, xây dựng tường rào phía sau trạm.



13	Phòng Thủy Lương	250.000	250.000				Công trình: Cải tạo Trạm y tế phường Thủy Lương; Hàng mục: Sửa công, thay mới bảng hiệu, quét vôi hàng rào, đổ bê tông sân, lát gạch terrazo, xây mới bồn hoa, mở rộng mái che, quét vôi hàng rào
14	Phòng Y tế	380.000	180.000		200.000		Mua sắm bàn làm việc, ghế, cây nước,...phụ vụ bệnh nhân tại trạm y tế các xã, phường
	Tổng cộng	5.083.000	3.040.000	900.000	993.000	150.000	

Handwritten signature